

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TPHCM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301986393
- Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 91.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 451/10 Tô Hiến Thành P14, Q10, TPHCM
- Số điện thoại : 028 38533496
- Số fax : 028 38533496
- Website: www.caupha.com
- Mã cổ phiếu : HFB
- Quá trình hình thành và phát triển :
 - + Ngày thành lập : 02/6/2000.

Tiền thân Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh là Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 12/05/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV vào ngày 01/10/2010. Trước đó Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố được thành lập theo Quyết định số 7656/QĐ-UB-KT ngày 15/12/1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở tách chức năng quản lý, duy tu cầu và chức năng quản lý vận hành phà từ Công ty Quản lý Công trình Giao thông Sài Gòn (được thành lập theo Quyết định số 6590/QĐ-UB-KT ngày 19/11/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố) - nay là Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn. Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố là công ty công ích trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ quản lý và duy tu hệ thống cầu – phà trên địa bàn thành phố theo phân cấp quản lý và thực hiện

một số hoạt động sản xuất kinh doanh khác trong hoạt động xây dựng công trình giao thông và chính thức hoạt động từ ngày 02/06/2000.

+ Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- 02/06/2000 : Công Ty Quản Lý Công Trình Cầu Phà Thành Phố

- 01/10/2010 : chuyển đổi thành Công Ty TNHH MTV Công Trình Cầu phà TPHCM

- 04/05/2016 : cổ phần hóa thành Công Ty Cổ Phần Công Trình Cầu Phà TPHCM

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu : Duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu của thành phố Hồ Chí Minh. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà, duy tu bờ kè, thi công lắp đặt công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng và công nghiệp.

- Địa bàn kinh doanh : Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bến Tre, Đồng Tháp...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông và bộ máy quản trị bao gồm : Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

1. Đại hội đồng cổ đông

2. Hội đồng quản trị

3. Ban kiểm soát

4. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc

5. Các phòng nghiệp vụ:

- Phòng Kinh doanh

- Phòng Kế toán tài chính

- Phòng Hành chính nhân sự

- Phòng Chất lượng và thiết bị

6. Các xí nghiệp trực thuộc : 10 xí nghiệp hạch toán phụ thuộc, báo sổ trực thuộc công ty

4. Định hướng phát triển:

1. Về sản phẩm và thị trường.

a. Sản phẩm dịch vụ Công ty có thể mạnh: Sản phẩm dịch vụ công , thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật... Sản phẩm dịch vụ công vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của công ty, việc giữ vững thị

trường bằng chất lượng, công nghệ, giá thành và sự thỏa mãn khách hàng trong giai đoạn xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích là nhiệm vụ hết sức quan trọng, đề ổn định và phát triển công ty..

b. Tập trung cải tiến quy trình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn để tạo thế mạnh cạnh tranh. Mở rộng thị trường bằng cách tham gia đấu thầu các gói thầu sản phẩm dịch vụ công ích các quận huyện tỉnh thành khác. Nghiên cứu tiếp cận các sản phẩm dịch vụ công ích có liên quan đến công tác bảo trì các tuyến Metro của thành phố, các tuyến cao tốc trong khu vực để tham gia. Hợp tác với các tổ chức khoa học, công nghệ, các công ty nước ngoài thí điểm áp dụng công nghệ, vật liệu mới trong lĩnh vực duy tu, bảo trì, sửa chữa, thi công các công trình. Phấn đấu đến năm 2025, có ít nhất 01 sản phẩm mới đưa vào áp dụng thí điểm và cơ bản hoàn thành các thủ tục pháp lý (quy trình, định mức, đơn giá.v.v) để ứng dụng cho công tác bảo trì, sửa chữa công trình trên địa bàn thành phố. Đầu tư các trang thiết bị máy móc phục vụ công tác duy tu, sửa chữa cầu.

c. Về sản phẩm xây dựng: Công trình giao thông, bờ kè, cầu cảng là các sản phẩm xây dựng chủ yếu được ưu tiên của công ty giai đoạn 2025-2030.

- Về thị trường: Ưu tiên tham gia dự thầu các dự án do Sở Giao thông vận tải, UBND Quận huyện trên địa bàn thành phố làm chủ đầu tư. Tiếp tục mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận, các chủ đầu tư trong và ngoài nước.

d. Tiếp tục phát triển sản phẩm, đa dạng hình thức kinh doanh: Hoạt động kiểm định cầu, cho thuê xe máy thiết bị, chuẩn bị mặt bằng, hoàn thiện công trình xây dựng, cung ứng và quản lý nguồn lao động, sản xuất cấu kiện cơ khí giao thông, khai khoáng, cấu kiện bê tông đúc sẵn...

2. Về tổ chức sản xuất: Trong giai đoạn 2025 – 2030 tiếp tục áp dụng mô hình tổ chức các xí nghiệp trực thuộc, các ban điều hành công trình cấp công ty và thành lập chi nhánh ở một số tỉnh thành thực hiện các gói thầu thi công công trình và sản phẩm dịch vụ công ích để tận dụng tối đa nguồn lực. Tiếp tục áp dụng mô hình khoán các chỉ tiêu kế hoạch và khoán trọn gói đối với các đơn vị trực thuộc.

3. Về tổ chức quản lý: Xây dựng hệ thống quản lý hiện đại, áp dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của công ty. Tổ chức lại, tinh gọn bộ máy các phòng nghiệp vụ. Bằng mọi giải pháp đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro về kinh tế.

Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân,...

Các sản phẩm kinh doanh dịch vụ công ích, xây dựng công trình ... của công ty phần lớn là các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước, do đó, chủ trương và nguồn tài chính công ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu – lợi nhuận của doanh nghiệp.

5.2 *Rủi ro pháp lý*

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Trong đó nhiều chính sách mang tính đặc thù như các quy định về sản phẩm dịch vụ công ích, quy định chuyên ngành xây dựng, giao thông. Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

5.3 *Rủi ro đặc thù*

a. *Rủi ro đặc thù trong hoạt động sản xuất*

Hoạt động xây dựng, thi công công trình là một trong những hoạt động có rủi ro về tai nạn lao động. Sự cố có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu các quy trình, quy định về an toàn lao động – bảo hộ lao động không được thực hiện nghiêm túc hoặc do có sự bất cẩn của con người. Trong điều kiện đặc thù của các công trình giao thông (vừa thi công vừa đảm bảo giao thông) thì khả năng xảy ra sự cố càng lớn. Do đó, việc phân tích, quản lý rủi ro này bằng nhiều biện pháp trong đó có bảo hiểm cho hoạt động xây dựng và trách nhiệm đối với người thứ ba là điều bắt buộc.

b. *Rủi ro từ các đối tác kinh doanh*

Trong hoạt động kinh doanh sự ràng buộc giữa các chủ thể dân sự thông qua hợp đồng kinh tế. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp đối tác kinh doanh/khách hàng không thực hiện đúng trách nhiệm đã cam kết vì nhiều lý do. Đây là rủi ro tiềm ẩn cần có sự quản lý như: tìm hiểu kỹ về thông tin khách hàng trước khi ký kết hợp đồng, nghiên cứu kỹ các điều khoản hợp đồng có sự trợ giúp của tư vấn pháp luật, trích lập dự phòng tài chính để kiểm soát các rủi ro này.

c. *Rủi ro về sự biến động giá, lạm phát*

Các hợp đồng thi công các gói thầu xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật thường có thời gian dài. Các biến động về giá nguyên vật liệu, xăng dầu, năng lượng đều có sự tác động lớn về giá thành/lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó việc lập kế hoạch chi tiết để thi công các gói thầu lớn có tính đến các rủi ro tiềm ẩn là một việc bắt buộc.

5.4 *Rủi ro khác*

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Số liệu căn cứ báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
Tổng doanh thu	450.000.000.000	585.314.141.462	130,07%
Tổng chi phí	441.500.000.000	551.963.770.449	125,02%
Lợi nhuận trước thuế	8.500.000.000	8.924.606.598	105,00%
Lợi nhuận sau thuế	6.800.000.000	7.102.913.376	104,45%
Chi trả cổ tức	5.460.000.000	5.460.000.000	100,00%

- Doanh thu : Đạt 130,07% kế hoạch

- Lợi nhuận : Đạt 105% kế hoạch.

- Cổ tức : Đạt 100% kế hoạch.

a. Sản phẩm dịch vụ công: Năm 2024 là năm cuối thực hiện hợp đồng năm 2022-2024 với các cam kết đổi mới phương thức thực hiện, đầu tư trang thiết bị, áp dụng khoa học công nghệ vào quản lý.

Về doanh thu:

- Doanh thu kế hoạch: 180.000 triệu;

- Doanh thu thực hiện: 239.112 triệu (Đạt 132,8% KH)

Giá trị thực hiện tăng so với kế hoạch do cơ quan quản lý được bổ sung vốn để thực hiện thêm một số nhiệm vụ cấp bách.

Về tình hình thực hiện:

Trong năm 2024, để đáp ứng với yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ công đã cam kết với cơ quan quản lý, trong năm qua, công ty đã thực hiện nhiều giải pháp:

- Đầu tư trang thiết bị, công nghệ: gắn camera trên – dưới cầu, thiết bị flycam phục vụ công tác kiểm tra cầu, tổ chức quan trắc tự động cầu. Đầu tư phần mềm tuần tra, kiểm tra, cảnh báo ngập, cháy, mất nguồn điện trong các công trình hầm và các phần mềm cập nhật, lưu trữ thông tin quản lý công trình, tổ chức hội thảo công nghệ...

Với những nỗ lực trên, bước đầu, công ty nhận được sự đánh giá tốt của cơ quan quản lý. Đây là ghi nhận quan trọng, làm nền tảng cho chiến lược giữ vững

thị trường sản phẩm dịch vụ công quản lý, bảo trì hệ thống cầu đường bộ trên địa bàn thành phố.

Ngoài ra, Công ty đã có nhiều nỗ lực để phát triển hoạt động sản phẩm dịch vụ công khác như:

- Tiếp tục giữ vững thị trường duy tu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa năm 2024.

- Tham gia và trúng thầu 02 gói thầu duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Lập thủ tục và bước đầu tham gia cùng Công ty TNHH MTV quản lý vận hành tuyến metro số 1 các công tác chuẩn bị. Đến nay công ty đã ký hợp đồng tham gia quản lý bảo trì một số hệ thống cầu và công trình phụ trợ của tuyến Metro Bến thành - Suối tiên từ 01/01/2025.

Đây cũng là bước đi mới để tận dụng ưu thế về nguồn lực, kinh nghiệm, sự am hiểu về lĩnh vực giao thông đường bộ, giao thông đô thị của công ty.

Từ tháng 9/2024, công ty cùng các đối tác đã tham gia đấu thầu và trúng thầu 07 gói thầu dịch vụ sự nghiệp công quản lý và bảo trì hệ thống cầu trên địa bàn thành phố do Sở Giao thông vận tải quản lý và 01 gói thầu do Thành phố Thủ Đức quản lý. Qua đó giữ vững thị trường dịch vụ sự nghiệp công (gọi tắt là công ích) đảm bảo ổn định sản xuất.

b. Hoạt động kinh doanh thi công xây dựng công trình và kiểm định cầu.

Năm 2024, giá trị hợp đồng được ký kết mới: 270 tỷ đồng (bằng 80% so với năm 2023). Tổng giá trị hợp đồng thực hiện trong năm 2024 là 830 tỷ đồng, trong đó giá trị năm 2023 chuyển sang là 560 tỷ đồng.

- Doanh thu kế hoạch: 269.000 triệu đồng;
- Doanh thu thực hiện: 345.321 triệu đồng (Đạt 128,4% KH);

c. Kiểm soát dự toán chi được duyệt theo nghị quyết số 15/NQ-CPTP-HĐQT ngày 29/02/2024 của Hội đồng quản trị.

- Tổng chi phí quản lý được duyệt: 25.720 triệu đồng;
- Tổng chi phí quản lý thực chi 24.426 triệu đồng;

Tiết kiệm dự toán: 1.294 triệu đồng.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

a. Ông Lê Hữu Châu : Tổng Giám đốc

- + Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 9,73% vốn điều lệ
- + Tỷ lệ được HFIC ủy quyền : 15% vốn điều lệ

b. Ông Vũ Tiến Đạt : Phó Tổng Giám đốc

- + Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 1,02% vốn điều lệ

c. Ông Nguyễn Xuân Khoa : Phó Tổng Giám đốc
+ Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,22% vốn điều lệ

d. Ông Nguyễn Quang Huy : Phó Tổng Giám đốc
+ Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,84% vốn điều lệ

e. Bà Lê Nga Phương : Kế toán trưởng
+ Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,13% vốn điều lệ

Ghi chú : Ngày chốt danh sách sở hữu là ngày 26/07/2024

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên :

Tổng lao động đến thời điểm 31/12/2024 : 327 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

a. Các khoản đầu tư lớn : Không

b. Công ty con : Không

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2024	2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	486.930.862.089	469.663.575.825	3,68
Doanh thu thuần	584.432.941.809	461.468.193.063	26,65
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.886.179.647	11.025.143.603	-19,40
Lợi nhuận khác	38.426.951	3.170.686	1.111,94
Lợi nhuận trước thuế	8.924.606.598	11.028.314.289	-19,08
Lợi nhuận sau thuế	7.102.913.376	8.778.700.292	-19,09
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6,0%	8,5%	-29,41

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	2024	2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,19	1,19
+ Hệ số thanh toán nhanh		
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,91	0,88

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,79	0,78
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,81	3,56
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	5,16	3,71
+ Vòng quay tổng tài sản : Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,20	0,98
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,01	0,02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,02
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,02

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

Tổng số cổ phần đang lưu hành là : 9.100.000 cổ phần, trong đó có 9.067.300 cổ phần tự do chuyển nhượng và 32.700 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của người sở hữu.

b. Cơ cấu cổ đông : Ngày chốt danh sách sở hữu là ngày 26/07/2024

- Cổ đông lớn (trên 5% CP có quyền biểu quyết): 7.208.600 CP (79,22%) và cổ đông nhỏ (dưới 5% CP có quyền biểu quyết) : 1.891.400 CP (20,78%).

- Cổ đông tổ chức : 3.640.000 CP (40%) và cổ đông cá nhân : 5.460.000 CP (60%)

- Cổ đông trong nước : 9.100.000 CP (100%)

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ : không

e. Các chứng khoán khác : không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường: không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm : 313.341.069.315 đồng

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : không

6.3. Tiêu thụ năng lượng :

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp :

Điện năng tiêu thụ 2024: 127.503 kw

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả : không

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : không

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước : Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân, lượng nước sử dụng 2024 : 1.110 m³

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : không

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động của công ty tại ngày 31/12/2024 là 327 người, mức lương trung bình của người lao động : 13.672.859/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm (Xã hội - Y tế - Thất nghiệp) cho người lao động và trích nộp kinh phí công đoàn theo đúng quy định.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 332 người lao động tại Trung tâm y tế Hòa Hảo với số tiền là: 334.980.000 đồng; thăm hỏi, trợ cấp khó khăn hiếu hỉ với số tiền là: 44.000.000 đồng; chăm lo con người lao động nhân dịp trung thu, quốc tế thiếu nhi với số tiền là: 39.100.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí tham quan nghỉ mát năm 2024 cho người lao động với mức 1.500.000 đồng/người và 4 ngày nghỉ (kể cả thứ 7 và chủ nhật) theo thỏa ước lao động tập thể và dự chi quỹ phúc lợi.

- Thực hiện đầu tư, sửa chữa, nâng cấp các thiết bị phục vụ cho sản xuất,

trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân số tiền là: 433.857.060 đồng, cấp bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật với số tiền là: 335.260.100 đồng.

- Tất cả người lao động công ty đều được mua bảo hiểm tai nạn lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Tổ chức học và thi bổ sung chứng chỉ nghề, nâng bậc nghề cho 151 người lao động. 100% người lao động được học và cấp chứng nhận huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

- Cử 18 người lao động tham gia lớp đào tạo về BIM (*Building Information Modeling*) phục vụ kế hoạch số hóa dữ liệu cầu bằng khoa học công nghệ.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Năm 2024 công ty hỗ trợ công tác an sinh xã hội trao phần quà cho các hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn tại phường 14 quận 10 và đảo Thạnh An huyện Cần Giờ

Trong năm công ty cũng đã hỗ trợ kinh phí cho quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh của Công đoàn công ty Đầu tư tài chính nhà nước TPHCM, chi hỗ trợ Đoàn thanh niên công ty thực hiện công trình thanh niên “Chung cư Thanh niên” cùng với Đoàn Quận 10.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN : không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2024 là năm công ty phải áp dụng khoa học, công nghệ vào quản lý theo cam kết tại các điều khoản hợp đồng sản phẩm dịch vụ công. Do đó chi phí đầu tư, chi phí quản lý và thiết bị quản lý tăng.

Chi phí thi công phát sinh từ việc chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng để thi công do vướng đền bù giải tỏa như chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng, chi phí thuê xe máy thiết bị, chi phí đảm bảo giao thông, quản lý công trường...

Sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường xây dựng nhất là các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Các đối thủ cạnh tranh giảm giá rất sâu khi tham gia các gói thầu (từ 16% trở lên).

Đặc thù các gói thầu công ty thi công trong giai đoạn khủng hoảng về nguồn vật liệu. Đặc biệt là cát, đất đắp và đá. Do đó tiến độ thi công bị kéo dài và chi phí công trình tăng. Đây là khó khăn lớn và chưa có giải pháp khắc phục kéo dài qua năm 2025.

Một số rủi ro khách quan trong quá trình sản xuất như điều chỉnh giảm quyết toán của các gói thầu sản phẩm dịch vụ công và công trình vốn ngân sách khi được thẩm tra duyệt quyết toán cũng gây ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của công ty.

Với những khó khăn chung của cả nước, thành phố Hồ Chí Minh trong năm

2024, việc công ty hoàn thành 130,07% kế hoạch doanh thu, 105% lợi nhuận và 100% lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông là nỗ lực rất lớn của toàn thể lãnh đạo, nhân viên và người lao động công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2024	2023	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ %
A. Tài sản ngắn hạn	459.367.483.443	436.602.558.201	22.764.925.242	5,21
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.668.309.997	45.991.409.705	19.676.900.292	42,78
Các khoản phải thu ngắn hạn	246.812.620.089	239.298.579.020	7.514.041.069	3,14
Hàng tồn kho	106.776.153.839	114.770.368.948	-7.994.215.109	-6,97
Tài sản ngắn hạn khác	40.110.399.518	36.542.200.528	3.568.198.990	9,76
B. Tài sản dài hạn	27.563.378.646	33.061.017.624	-5.497.638.978	-63,13
Tài sản cố định	25.995.635.507	29.925.531.343	-3.929.895.836	-13,13
Tài sản dài hạn khác	1.567.743.139	3.135.486.281	-1.567.743.142	-50,00
Tổng cộng tài sản	486.930.862.089	469.663.575.825	17.267.286.264	-57,92

- Tài sản ngắn hạn tăng 22.764.925.242 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 5,21% chủ yếu là do tăng tiền và các khoản phải thu ngắn hạn.

- Tài sản dài hạn giảm 5.497.638.978 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm là 63,13% là do trích khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản là 1,2 cứ 1 đồng tài sản tạo ra 1,2 đồng doanh thu cao hơn năm 2023. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 0,01 cứ 1 đồng tài sản mang về 0,01 đồng lợi nhuận thấp hơn năm 2023.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2024	2023	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ %
C. Nợ phải trả	385.714.387.338	366.771.314.158	18.943.073.180	5,16
Nợ ngắn hạn	385.714.387.338	366.771.314.158	18.943.073.180	5,16
D. Vốn chủ sở hữu	101.216.474.751	102.892.261.667	-1.675.786.916	-1,63
Vốn chủ sở hữu	101.216.474.751	102.892.261.667	-1.675.786.916	-1,63
Tổng nguồn vốn	486.930.862.089	469.663.575.825	17.267.286.264	3,54

- Nợ phải trả tăng 18.943.073.180 đồng tương ứng với tỷ lệ 5,16%, chủ yếu là tăng khoản phải trả người bán.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2024 đảm bảo khả năng thanh toán là 1,19 bằng với năm 2023, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu vẫn đảm bảo là 3,81 tăng so với năm 2023.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục thực hiện, tạo ưu thế cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ công ty có thể mạnh: sản phẩm dịch vụ công ích, thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đây là nhóm sản phẩm, dịch vụ nền tảng mang tính chất quyết định trong hoạt động của công ty. Tập trung nâng cao năng lực để tham gia các gói thầu có quy mô lớn, cấp công trình cao.

- Về dịch vụ sự nghiệp công (trước đây là sản phẩm dịch vụ công hay công ích): Dịch vụ sự nghiệp công trong giai đoạn 2025-2027 vẫn là lĩnh vực nắm vai trò quan trọng, then chốt trong hoạt động sản xuất doanh nghiệp. Hoạt động này mang lại nguồn thu ổn định, đảm bảo duy trì bộ máy nhân lực và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Năm 2025 là năm đầu tiên thực hiện hợp đồng quản lý bảo trì công trình cầu đường bộ giai đoạn 2025-2027. Nhiệm vụ trọng tâm của năm 2025 là tổ chức thực hiện hợp đồng 2025-2027 với phương châm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, cải tiến quy trình sản xuất. Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và khó khăn cần có chiến lược, phương án và sự nỗ lực toàn công ty.

- Dự báo hoạt động thi công xây dựng công trình tiếp tục khó khăn trong năm 2025: Năng lực kỹ thuật công ty còn nhiều hạn chế, nguồn công trình ít, tính cạnh tranh trên thị trường gay gắt hơn. Tuy nhiên, một số gói thầu được ký kết cuối năm 2024 chuyển tiếp sang (khoảng 450 tỷ đồng) là nền tảng để công ty duy trì hoạt động và chuẩn bị để tham gia các gói thầu mới trong năm 2025. Các khó khăn về mặt bằng và nguồn vật liệu tiếp diễn trong năm 2025

Việc giữ vững thị trường bằng năng lực cạnh tranh, chất lượng, sự thỏa mãn khách hàng là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Tinh giản, hợp lý hóa đội ngũ nhân lực thực hiện, áp dụng công nghệ mới trong quản lý là điều kiện bắt buộc. Bên cạnh đó, tìm kiếm và tiếp tục tham gia vào một số lĩnh vực quản lý, duy tu, bảo trì mới như : duy tu- bảo trì hạ tầng vận tải công cộng, quản lý bảo trì hạ tầng khu công nghiệp, tuyến Metro.... là những định hướng sẽ được thực hiện trong năm 2025.

- Liên danh, liên kết để tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận. Xem sản phẩm xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật là sản phẩm kinh doanh chủ yếu. Tiếp tục hỗ trợ để các gói thầu do Công ty thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh :

a. Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích: Năm 2024 là năm thứ cuối thực hiện hợp đồng năm 2022-2024. Việc thực hiện các cam kết và điều khoản hợp đồng về đầu tư, ứng dụng công nghệ, thiết bị vào hoạt động quản lý, bảo trì công trình cầu. Công ty đã hoàn tất các cam kết như trang bị hệ thống camera, các phần mềm tuần tra, số hóa lý lịch cầu, đầu tư trang thiết bị, công nghệ để phục vụ công tác kiểm tra cầu, tổ chức quan trắc tự động, đầu tư các phần mềm, ứng dụng trong công tác quản lý... Công ty đã nhận được sự đánh giá tốt của cơ quan quản lý, đây là ghi nhận quan trọng, làm nền tảng cho việc giữ vững thị trường sản phẩm dịch vụ công quản lý, bảo trì hệ thống cầu đường bộ trên địa bàn thành phố.

- Công ty đã tham gia và trúng 07 gói thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (các công trình cầu) do Trung tâm quản lý hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm quản lý điều hành giao thông đô thị, Trung tâm phát triển hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức làm chủ đầu tư giai đoạn 2025-2027. Qua đó giữ vững thị trường dịch vụ sự nghiệp công (gọi tắt là công ích) đảm bảo ổn định sản xuất.

- Ngoài ra, Công ty cũng đã nỗ lực, tiếp tục giữ vững thị trường duy tu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, tham gia và trúng thầu 02 gói thầu duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Đồng thời Công ty đã bước đầu tham gia cùng Công ty TNHH MTV quản lý vận hành tuyến Metro số 1. Đến nay công ty đã ký hợp đồng tham gia quản lý bảo trì một số hệ thống cầu và công trình phụ trợ của tuyến Metro Bến Thành-Suối Tiên từ ngày 01/01/2025. Đây là bước đi mới để tận dụng ưu thế về nguồn lực, kinh nghiệm, sự am hiểu về lĩnh vực giao thông đường bộ, giao thông đô thị của công ty.

b. Hoạt động thi công xây dựng công trình và kiểm định cầu.

Năm 2024, giá trị hợp đồng được ký kết mới là 270 tỷ, tổng giá trị hợp đồng

thực hiện năm 2024 là 830 tỷ đồng, trong đó giá trị năm 2023 chuyển sang là 560 tỷ đồng. Doanh thu kế hoạch: 269 tỷ đồng, doanh thu thực hiện: 345 tỷ đồng (đạt 128 % kế hoạch).

c. Các khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2024 là năm công ty phải áp dụng khoa học công nghệ vào quản lý theo cam kết tại các điều khoản của hợp đồng sản phẩm dịch vụ công, do đó các chi phí quản lý, đầu tư thiết bị đều tăng.

- Việc chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng để thi công do vướng đền bù giải tỏa dẫn đến chi phí thi công phát sinh như chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng, chi phí thuê XMTB, chi phí đảm bảo giao thông, quản lý công trường.

- Sự cạnh tranh trong đấu thầu các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật hiện nay diễn ra rất gay gắt, nhất là khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, các đối thủ cạnh tranh giảm giá rất sâu khi tham gia các gói thầu (từ 16% trở lên).

- Nguồn vật liệu thi công gặp nhiều khó khăn, khan hiếm, do đó tiến độ thi công bị kéo dài và chi phí công trình tăng.

- Một số rủi ro khách quan trong quá trình sản xuất như điều chỉnh giảm quyết toán của các gói thầu sản phẩm dịch vụ công và công trình vốn ngân sách khi được thẩm tra duyệt quyết toán cũng gây ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của công ty.

1.2. Đánh giá chung:

- Với những khó khăn đã nêu ở trên, năm 2024 việc công ty hoàn thành 130,0% kế hoạch doanh thu; 105,0% lợi nhuận trước thuế và 100% lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông (mức 6,0%) là nỗ lực rất lớn của Ban điều hành và toàn thể người lao động của công ty.

- Công ty đã đảm bảo việc làm, các quyền, lợi ích hợp pháp, ổn định thu nhập cho người lao động. Các hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

- Hoàn thành đúng các điều khoản hợp đồng với cơ quan đặt hàng với chất lượng và sự thỏa mãn khách hàng ngày càng được cải thiện. Các giải pháp nâng cao hiệu quả và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước mang lại những kết quả tích cực như, năng lực kỹ thuật thi công từng bước được nâng cao, thị trường được mở rộng, đa dạng hóa sản phẩm. Tiềm lực, tiềm năng phát triển của công ty là khả quan.

- Trong quản lý và điều hành doanh nghiệp: Hội đồng Quản trị, Ban điều hành thực hiện nhiều biện pháp tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động doanh nghiệp. Đảm bảo tính tuân thủ, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Tích cực xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tái cơ cấu, sắp xếp lại đơn vị từ năm 2025 cho phù hợp với mô hình hoạt động của doanh nghiệp.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho công ty.

- Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát. Tình hình tài chính được kiểm soát tốt. Vốn nhà nước và vốn góp của cổ đông được bảo toàn.

- HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Tổng giám đốc theo thẩm quyền được giao theo Điều lệ và quy chế làm việc của HĐQT.

- Qua công tác kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh của công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

- Yêu cầu Tổng Giám đốc tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo định kỳ hàng tháng cho HĐQT về các lĩnh vực hoạt động của Công ty, để HĐQT nghị quyết định hướng nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động ở từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1. Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025.

Năm 2025, là năm cuối thực hiện các chỉ tiêu SXKD của nhiệm kỳ 2021-2026, vì vậy Công ty sẽ tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. HĐQT sẽ phối hợp với Tổng Giám đốc, Ban điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

3.1.1 Thực hiện kế hoạch chỉ tiêu của năm 2025, cụ thể:

DVT: Triệu đồng.

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2024		Kế hoạch 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	450.000	585.314	500.000
2	Lợi nhuận trước thuế	8.500	8.925	9.000
3	Lợi nhuận chia cổ tức	5.460	5.460	5.460
4	Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ	6,0%	6,0%	6,0%

a) Về dịch vụ sự nghiệp công (trước đây là sản phẩm dịch vụ công hay công ích): Dịch vụ sự nghiệp công trong giai đoạn 2025-2027 vẫn là lĩnh vực nắm vai trò quan trọng, then chốt trong hoạt động sản xuất doanh nghiệp. Hoạt động này mang lại nguồn thu ổn định, đảm bảo duy trì bộ máy nhân lực và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Năm 2025 là năm đầu tiên thực hiện hợp đồng quản lý bảo trì công trình cầu đường bộ giai đoạn 2025-2027. Nhiệm vụ trọng tâm của năm 2025 là tổ chức thực hiện hợp đồng 2025-2027 với phương châm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, cải tiến quy trình sản xuất. Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và khó khăn cần có chiến lược, phương án và sự nỗ lực toàn công ty.

b) Hoạt động thi công xây dựng công trình:

Dự báo hoạt động thi công xây dựng công trình tiếp tục khó khăn trong năm 2025: Năng lực kỹ thuật công ty còn nhiều hạn chế, nguồn công trình ít, tính cạnh tranh trên thị trường gay gắt hơn. Tuy nhiên, một số gói thầu được ký kết cuối năm 2024 chuyển tiếp sang (khoảng 450 tỷ đồng) là nền tảng để công ty duy trì hoạt động và chuẩn bị để tham gia các gói thầu mới trong năm 2025. Các khó khăn về mặt bằng và nguồn vật liệu tiếp diễn trong năm 2025.

c) Về doanh thu: Doanh thu năm 2025 vẫn dựa vào 02 nhóm sản phẩm chính là sản phẩm dịch vụ công và thi công xây dựng công trình.

- Sản phẩm dịch vụ công: Triển khai thực hiện hợp đồng 2025-2027, công ty nỗ lực hoàn thành 100% giá trị hợp đồng năm 2025;

- Thi công công trình: Tổng giá trị hợp đồng đang thực hiện năm 2024 chuyển sang 2025 là nền tảng để duy trì hoạt động sản xuất. Trong năm 2025 công ty nỗ lực để tham gia dự thầu và ký kết hợp đồng mới để đảm bảo mức doanh thu kế hoạch.

d) Về lợi nhuận:

- Về lợi nhuận kế hoạch: Mặc dù nỗ lực để tăng doanh thu nhưng dự kiến các khoản chi phí hoạt động sản xuất và quản lý doanh nghiệp tăng do:

- + Hạch toán một phần doanh thu bị cắt giảm khi chủ đầu tư phê duyệt quyết toán hoạt động sản phẩm dịch vụ công ích năm 2014-2016. Dự kiến phân bổ dần trong các năm tiếp theo.

- + Chi phí theo cam kết ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động quản lý, bảo trì công trình cầu theo hợp đồng của chủ đầu tư.

- + Dự phòng giá nguyên vật liệu tăng cao, nhất là tình trạng khan hiếm các vật liệu từ tài nguyên (Cát, đất, đá, v.v).

Do đó, dự kiến lợi nhuận kế hoạch (trước thuế) đề xuất là 9.000 triệu đồng tương đương với 9,89% vốn điều lệ.

đ) Về phân phối lợi nhuận. Với tổng lợi nhuận kế hoạch sau thuế 7.200 triệu đồng, đề xuất mức lợi nhuận chia cổ tức 6% vốn điều lệ với tổng giá trị 5.460 triệu đồng, phần còn lại trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định.

3.1.2 Bảo toàn vốn góp của cổ đông; đảm bảo vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp được hiệu quả và phát triển. Các hoạt động tài chính minh bạch, an toàn. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

3.1.3 Tăng cường giám sát hoạt động của công ty; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn vốn của cổ đông, đánh giá hiệu quả vốn đầu tư và thực

hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới; cải thiện hơn nữa công tác quản lý dòng tiền nhằm góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh và đảm bảo an toàn thanh khoản.

3.1.4 Tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật lao động của người lao động, nâng cao năng suất lao động để gia tăng năng lực cạnh tranh và uy tín của công ty. Tăng cường đào tạo trình độ nghiệp vụ của bộ phận quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, tài chính kế toán, quản trị doanh nghiệp...

3.1.5 Tiếp tục hoàn thiện các mô hình sản xuất: Tạo sự chủ động, hỗ trợ đơn vị kích thích sản xuất nhưng vẫn đảm bảo sự kiểm soát của công ty. Tiếp tục nỗ lực giữ vững thị trường sản phẩm dịch vụ công ích và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh bằng chất lượng, tính chuyên nghiệp và thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

3.1.6 Tiếp cận và nghiên cứu tham gia các hình thức kinh doanh, lĩnh vực mới có nhiều tiềm năng và phát triển các sản phẩm mới như khai khoáng, sản xuất vật liệu...

3.1.7 Xây dựng các giải pháp để triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển Công ty, trong đó xây dựng được về sản phẩm, lĩnh vực hoạt động thế mạnh của Công ty, nhu cầu về vốn, về số lượng trang thiết bị của công ty cần trang bị, đầu tư trong từng năm; Giải pháp huy động vốn.

3.1.8 Đảm bảo duy trì sự ổn định và phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn của doanh nghiệp.

3.2. Biện pháp thực hiện.

Để thực hiện tốt các mục tiêu trên, Công ty sẽ tiến hành đồng bộ các giải pháp, cụ thể:

3.2.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Chuyên nghiệp hóa, tạo ưu thế cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ Công ty có thế mạnh: Sản phẩm dịch vụ công ích, thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đây là nhóm sản phẩm, dịch vụ nền tảng mang tính chất quyết định trong hoạt động, Công ty cần đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, thiết bị, nhân lực để chuyên nghiệp hóa, tạo thương hiệu và uy tín trên thị trường. Tập trung nâng cao năng lực để tham gia các gói thầu có quy mô lớn, cấp công trình cao.

b) Sản phẩm dịch vụ công ích vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của công ty, việc giữ vững thị trường bằng chất lượng, công nghệ, giá thành và sự thỏa mãn khách hàng trong giai đoạn xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích là nhiệm vụ hết sức quan trọng, để ổn định và phát triển công ty.

c) Phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường là nhiệm vụ chiến lược trong việc tham gia xây dựng công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật. Đầu tư phát triển các sản phẩm đặc thù áp dụng các công nghệ, vật liệu mới trong hoạt

động xây dựng và sửa chữa công trình giao thông. Duy trì tốt các thị trường truyền thống, tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận.

d) Tiếp tục phát triển sản phẩm, đa dạng hình thức kinh doanh: Hoạt động kiểm định cầu, cho thuê xe máy thiết bị, chuẩn bị mặt bằng, hoàn thiện công trình xây dựng, cung ứng và quản lý nguồn lao động, sản xuất cầu kiện cơ khí giao thông, khai khoáng, cầu kiện bê tông đúc sẵn...

e) Cam kết cung cấp dịch vụ quản lý và các dịch vụ hỗ trợ để các dự án do Công ty nhận thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

3.2.2 Nâng cao năng lực quản lý

a) Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình, biểu mẫu... phù hợp với những thay đổi của chính sách pháp luật Nhà nước; kiện toàn bộ máy tổ chức ở các đơn vị trực thuộc cũng như khối văn phòng Công ty nhằm nâng cao hiệu lực thực thi các văn bản trên và tăng cường cải cách hành chính. Chú trọng giải pháp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

b) Tiếp tục cử nhân sự tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, các lớp đào tạo quản lý doanh nghiệp để đảm bảo đủ năng lực, đáp ứng hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ của công ty.

c) Đổi mới tư duy, chủ động đề xuất các giải pháp hợp lý để thực hiện công việc quản lý ngày càng khoa học, hiệu quả và đảm bảo chế độ chính sách; thường xuyên quan hệ tốt với địa phương, các cấp các ngành để tranh thủ sự hỗ trợ.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị :

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP đại diện chủ sở hữu	Tỷ lệ
1	Trần Minh Trung	Chủ tịch HĐQT	73.500	1.365.000	15,81%
2	Lê Hữu Châu	-Thành viên HĐQT -Tổng Giám đốc	885.800	1.365.000	24,73%
3	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT	0	546.000	6,00%
4	Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên HĐQT	700.000	0	7,69%
5	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	76.800	0	0,84%

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Trần Minh Trung	08/08	100%	
02	Lê Hữu Châu	08/08	100%	
03	Tạ Thị Hồng Tâm	08/08	100%	
04	Nguyễn Quang Huy	07/08	87,5%	Kỳ họp tháng 1/2024. Lý do vắng: Điều trị bệnh tại Bệnh viện Chợ Rẫy, có văn bản ủy quyền biểu quyết cho ông: Trần Minh Trung.
05	Nguyễn Thanh Hải	08/08	100%	

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên Ban kiểm soát :

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP đại diện chủ sở hữu	Tỷ lệ
1	Lê Mạnh Thu	Trưởng ban	43.000	0	0,47%
2	Trần Thái Phương	Thành viên	0	364.000	4,00%
3	Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên	1.300	0	0,01%

b. Hoạt động Ban kiểm soát :

- Trong năm 2024 đã tiến hành các 08 cuộc họp, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 04 cuộc họp lấy ý kiến với những nội dung sau:

+ Thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2024 của Tổng giám đốc;

+ Thẩm định mức thu lao chi trả và thưởng lương tháng 13 cho Ban lãnh đạo năm 2023 (HĐQT, BKT, BHD, Người phụ trách quản trị Công ty)

+ Thẩm định danh mục tài sản đề nghị thanh lý sau khi kiểm kê;

+ Lấy ý kiến bổ sung, điều chỉnh về Ngành nghề kinh doanh công ty và Điều lệ hoạt động Công ty;

+ Đề xuất đơn vị báo cáo kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của công ty năm 2024, được Đại hội cổ đông 2024 thông qua tại ngày 24/4/2024.

+ Chủ trương xây dựng đề án nâng cấp hệ thống quản trị và tái cấu trúc doanh nghiệp;

+ Lấy ý kiến về thời gian chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2023;

+ Lấy ý kiến về các khoản mục dự chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 cho người lao động;

+ Bổ nhiệm cán bộ quản lý công ty (Phó Tổng giám đốc);

+ Ủy quyền Tổng giám đốc ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng BIDV và MB (Ngân hàng Quân đội); Ngân hàng SMB; Ngân hàng Techcombank;

- Ngoài ra các thành viên Ban kiểm soát cũng thường xuyên thực hiện việc trao đổi thông tin về các nội dung theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

- Các thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ và biểu quyết tại cuộc họp.

- Ban kiểm soát đã tuân thủ quy chế, điều lệ công ty, thực hiện công việc công khai, công tâm, không vụ lợi cho cá nhân, không gây khó khăn cho đối tượng kiểm tra;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực hoạt động, việc chấp hành, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Kiểm tra tính tuân thủ quy chế, quy định do công ty ban hành đối với các lĩnh vực hoạt động;

- Tham gia đóng góp ý kiến về tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty, công khai, minh bạch trên tinh thần xây dựng, không vụ lợi cá nhân gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của công ty.

- Ban kiểm soát được Ban điều hành công ty tạo mọi điều kiện tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ; đã được cung cấp đầy đủ tài liệu, báo cáo kịp thời mọi hoạt động sản xuất tại đơn vị;

- Chế độ tiền lương, thù lao và các khoản chi phí liên quan đến Ban kiểm soát được Ban điều hành giải quyết kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :

a. Tiền lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích :

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Tiền lương	Thưởng	Tổng
I. Hội đồng quản trị						
1	Trần Minh Trung	Chủ tịch HĐQT		348.000.000	43.500.000	391.500.000
2	Lê Hữu Châu	Thành viên HĐQT	60.000.000		7.500.000	67.500.000
3	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT	60.000.000		7.500.000	67.500.000
4	Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên HĐQT	60.000.000		7.500.000	67.500.000

5	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	60.000.000		7.500.000	67.500.000
6	Dương Đắc Chí	Phụ trách quản trị	60.000.000		7.500.000	67.500.000
II. Ban Kiểm soát						
1	Lê Mạnh Thu	Trưởng ban		300.000.000	37.500.000	337.500.000
2	Trần Thái Phương	Thành viên	36.000.000		4.500.000	40.500.000
3	Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên	36.000.000		4.500.000	40.500.000
III. Ban giám đốc						
1	Lê Hữu Châu	Tổng giám đốc		300.000.000	37.500.000	337.500.000
2	Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng giám đốc		248.400.000	31.050.000	279.450.000
3	Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng giám đốc		186.300.000	23.287.500	209.587.500
4	Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc		237.109.091	31.050.000	268.159.091
5	Nguyễn Xuân Khoa	Phó Tổng giám đốc		94.090.909	11.643.750	105.734.659
6	Lê Nga Phương	Kế toán trưởng		240.000.000	30.000.000	270.000.000

c. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ :

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Trần Minh Trung	Chủ tịch HĐQT	73.500	0,81%
2	Lê Hữu Châu	-Thành viên HĐQT -Tổng Giám đốc	885.800	9,73%
3	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên HĐQT	700.000	7,69%
5	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	76.800	0,84%
6	Lê Mạnh Thu	Trưởng ban KS	43.000	0,47%
7	Trần Thái Phương	Thành viên BKS	0	0%
8	Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên BKS	1.300	0,01%
9	Nguyễn Xuân Khoa	P. Tổng Giám đốc	20.000	0,22%

10	Vũ Tiến Đạt	P. Tổng Giám đốc	93.000	1,02%
11	Lê Nga Phương	Kế Toán trưởng	12.100	0,13%
12	Dương Đắc Chí	Người phụ trách quản trị	3.100	0,03%

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Năm 2024, với quyền hạn, nghĩa vụ và vai trò của HĐQT là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, HĐQT đã cùng Ban điều hành thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty, trong đó:

- Công ty đã triển khai thực hiện tốt Nghị quyết và các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Xây dựng và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng phụ trách và thực hiện công tác giám sát các mặt hoạt động của Công ty.

- Tuân thủ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các quy chế quản lý nội bộ khác.

- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách có liên quan đến người lao động trong công ty, Ban điều hành thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật.

- Định kỳ và đột xuất, Hội đồng quản trị tổ chức họp để các thành viên HĐQT và BKS nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và ban hành các Nghị quyết, quyết định chỉ đạo kịp thời trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2024, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp, trong đó: có 04 cuộc họp tập trung, 04 cuộc họp lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản của các thành viên HĐQT để xem xét, quyết định các vấn đề quản lý, quản trị của công ty theo thẩm quyền của HĐQT và ban hành 18 nghị quyết/quyết định, theo đó có một số Nghị quyết, quyết định quan trọng trong công tác quản trị.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc công ty thực hiện các nghị quyết của HĐQT, phối hợp Ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp.

- Phối hợp Ban kiểm soát tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo công ty thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra và tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty.

- Triển khai tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho công ty, đảm bảo tăng doanh thu, đảm bảo các quyền lợi của cổ đông, ổn định thu nhập, đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của

- Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát. Tình hình tài chính được kiểm soát tốt. Vốn của cổ đông và vốn của doanh nghiệp được bảo toàn.

- HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc theo thẩm quyền được giao theo Điều lệ và quy chế làm việc của Hội đồng quản trị.

- Qua công tác kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện SXKD của công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

- Yêu cầu Tổng Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo định kỳ hàng tháng cho HĐQT về các lĩnh vực hoạt động của Công ty, để HĐQT nghị quyết định hướng nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động ở từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán* : Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính : www.caupha.com

Ngày 4 tháng 4 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Tổng Giám đốc

LÊ HỮU CHÂU

Đính kèm báo cáo tài chính tổng hợp

CTCP CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính tổng hợp
của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024
đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38.205.944

Fax: (028) 38.205.942

Website: www.aascs.com.vn

Email: info@aascs.com.vn

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
- Bảng cân đối kế toán tổng hợp	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	11 -12
- Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	13 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc CTCP Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng. Bằng chữ: Chín mươi một tỷ đồng.

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thi công xây dựng công trình

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích: Quản lý, duy tu, bảo trì, sửa chữa công trình giao thông; Duy tu sửa chữa công trình đường thủy; Quản lý bảo trì hệ thống thoát nước xử lý nước thải.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Xây dựng công trình giao thông (công trình thủy nội địa, công trình hàng hải, cầu cảng, bến tàu, cầu tàu); Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; ...
- Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Mô hình hoạt động :

Văn phòng công ty và các Xí nghiệp trực thuộc, trong đó:

- Văn phòng	Quản lý chung
- Xí nghiệp Công trình 1	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình 2	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình 3	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình 4	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình 5	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình 6	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình 7	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình 8	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình 9	Thi công công trình giao thông
- Xí nghiệp Công trình 10	Thi công công trình giao thông

II KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

III CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
- Hội đồng Quản trị		
Ông Trần Minh Trung	Chủ tịch	Ngày 26/04/2021
Ông Lê Hữu Châu	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Bà Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Ngày 26/04/2023
- Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		
Ông Lê Hữu Châu	Tổng Giám đốc	Ngày 26/04/2021
Ông Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12/05/2021
Ông Nguyễn Xuân Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15/08/2024
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15/11/2022
Bà Lê Nga Phương	Kế toán trưởng	Ngày 12/05/2021
- Ban Kiểm soát		
Ông Lê Mạnh Thư	Trưởng ban	Ngày 26/04/2021
Ông Trần Thái Phương	Thành viên	Ngày 26/04/2021
Ông Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên	Ngày 26/04/2021

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

VI CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp này;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Duyệt, ngày 06 tháng 03 năm 2025

TM Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc


LÊ HỮU CHÂU

Số: 141 /BCKT/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp được lập ngày 06/03/2025 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc - CTCP Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh, trình bày từ trang 8 đến trang 34 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc CTCP Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Tp.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



TẠ QUANG LONG

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0649-2023-142-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN TUẤN ĐẠT

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2669-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		459.367.483.443	436.602.558.201
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	65.668.309.997	45.991.409.705
Tiền	111		35.085.660.044	33.491.409.705
Các khoản tương đương tiền	112		30.582.649.953	12.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.812.620.089	239.298.579.020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	169.017.489.952	190.680.991.406
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	35.422.393.482	27.471.536.976
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	50.538.068.999	29.311.382.982
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(8.165.332.344)	(8.165.332.344)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	106.776.153.839	114.770.368.948
Hàng tồn kho	141		106.776.153.839	114.770.368.948
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.110.399.518	36.542.200.528
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	25.911.782.494	24.259.883.230
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	9.005.430.599	9.203.665.579
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	5.193.186.425	3.078.651.719
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.563.378.646	33.061.017.624
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.995.635.507	29.925.531.343
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	25.818.135.517	29.677.031.349
- Nguyên giá	222		91.871.316.437	91.761.336.437
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.053.180.920)	(62.084.305.088)
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	177.499.990	248.499.994
- Nguyên giá	228		528.100.000	528.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(350.600.010)	(279.600.006)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.567.743.139	3.135.486.281
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.567.743.139	3.135.486.281
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		486.930.862.089	469.663.575.825

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		385.714.387.338	366.771.314.158
I. Nợ ngắn hạn	310		385.714.387.338	366.771.314.158
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	170.992.027.552	113.719.925.012
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		89.020.050.656	109.312.653.573
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	164.060.108	584.022.111
Phải trả người lao động	314		8.846.326.659	6.661.477.932
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	105.808.108.801	106.155.379.831
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	11.749.638.392	31.030.764.151
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(865.824.830)	(692.908.452)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.216.474.751	102.892.261.667
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	101.216.474.751	102.892.261.667
Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.113.561.375	3.113.561.375
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.102.913.376	8.778.700.292
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
+ LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.102.913.376	8.778.700.292
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		486.930.862.089	469.663.575.825

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

TP. HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc





Lê Hữu Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	584.432.941.809	461.468.193.063
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		584.432.941.809	461.468.193.063
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	550.933.559.887	426.193.427.291
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.499.381.922	35.274.765.772
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	739.474.192	1.273.004.127
Chi phí tài chính	22	VI.4	926.912.052	1.029.656.826
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		926.912.052	956.929.553
Chi phí bán hàng	25	VI.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	24.425.764.415	24.492.969.470
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.886.179.647	11.025.143.603
Thu nhập khác	31	VI.5	141.725.461	79.267.156
Chi phí khác	32	VI.6	103.298.510	76.096.470
Lợi nhuận khác	40		38.426.951	3.170.686
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.924.606.598	11.028.314.289
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.821.693.222	2.249.613.997
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	60		7.102.913.376	8.778.700.292
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng

Lê Nga Phương

TP. HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)
Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		8.924.606.598	11.028.314.289
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02		4.039.875.836	6.033.128.838
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(739.474.192)	(1.273.004.127)
- Chi phí lãi vay	06		926.912.052	956.929.553
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.151.920.294	16.745.368.553
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(9.430.340.795)	(6.891.016.278)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		7.994.215.109	(26.327.028.926)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		37.925.999.756	35.013.544.567
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(84.156.122)	(10.053.759.147)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(926.912.052)	(956.929.553)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(2.287.962.955)	(3.064.843.517)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.043.700.292	2.912.747.402
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.216.616.670)	(12.495.089.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.169.846.857	(5.117.006.227)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(109.980.000)	(221.604.545)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.900.000.000
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		683.499.694	1.273.004.127
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		573.519.694	4.951.399.582

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)
Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		58.653.654.933	55.361.913.148
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(77.934.780.692)	(60.791.697.058)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.785.340.500)	(7.678.958.007)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.066.466.259)	(13.108.741.917)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		19.676.900.292	(13.274.348.562)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	45.991.409.705	59.265.758.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		65.668.309.997	45.991.409.705

050112
CÔNG
TNH
DỊCH VỤ T
AI CHÍNH K
VÀ KIỂM
PHIÊN N
V.1 - T.P.H

TP. HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Hạnh

Lê Nga Phương

Lê Hữu Châu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Vốn điều lệ : 91.000.000.000 đồng

Trụ sở chính : 451/10 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thi công xây dựng công trình

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình công ích: Quản lý, duy tu, bảo trì, sửa chữa công trình giao thông; Duy tu sửa chữa công trình đường thủy; Quản lý bảo trì hệ thống thoát nước xử lý nước thải.

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Xây dựng công trình giao thông (công trình thủy nội địa, công trình hàng hải, cầu cảng, bến tàu, cầu tàu); Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; ...

Cho thuê xe máy thiết bị thi công công trình

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp : Bao gồm Văn phòng và các Xí nghiệp trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc

- Văn phòng
- Xí nghiệp Công trình 1
- Xí nghiệp Công trình 2
- Xí nghiệp Công trình 3
- Xí nghiệp Công trình 4
- Xí nghiệp Công trình 5
- Xí nghiệp Công trình 6
- Xí nghiệp Công trình 7
- Xí nghiệp Công trình 8
- Xí nghiệp Công trình 9
- Xí nghiệp Công trình 10

Hoạt động kinh doanh chính

- Quản lý chung
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông
- Thi công công trình giao thông

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Năm 2024

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình gồm: phần mềm kế toán, phần mềm hồ sơ cầu, phần mềm báo cáo tuần tra, phần mềm quản lý cầu. Giá trị tài sản vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 05 năm.

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3

Công ty	Quan hệ
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM (HFIC)	Cổ đông lớn (40%)

15. Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào hoạt động xây dựng, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

16. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP:

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	31.572.741	27.375.932
Văn phòng Công ty	23.246.267	18.418.634
Các Xí nghiệp trực thuộc	8.326.474	8.957.298
- Tiền gửi ngân hàng	35.054.087.303	33.464.033.773
Văn phòng Công ty	28.677.853.911	28.257.202.461
Các Xí nghiệp trực thuộc	6.376.233.392	5.206.831.312
- Các khoản tương đương tiền	30.582.649.953	12.500.000.000
Văn phòng Công ty	30.582.649.953	12.500.000.000
Các Xí nghiệp trực thuộc	-	-
Cộng	65.668.309.997	45.991.409.705

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

2.1. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khu quản lý Giao thông Đô thị Số 2	-	101.559.000
- Trung tâm quản lý đường thủy	2.505.111.233	8.053.216.233
- BQL ĐTXD CT huyện Bình Chánh	5.544.661.359	11.073.478.920
- BQL ĐTXD CT Huyện Nhà Bè	-	2.232.114.000
- BQL dự án lưới điện phân phối TPHCM	-	1.189.931.575
- BQL CT CC Huyện Tam Nông	32.563.000	32.563.000
- Trung tâm quản lý đường hầm sông Sài Gòn	-	581.364.449
- Sở Giao Thông Vận tải Đồng Nai	5.182.924.000	7.222.158.000
- CTCP tư vấn thiết kế Toàn Cầu	9.028.800.000	9.028.800.000
- BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	11.659.787.104	4.842.000.480
- Trung tâm Quản lý Hạ tầng Giao thông Đường bộ	61.667.102.230	88.859.476.276
- Các khoản phải thu khách hàng khác	73.396.541.026	57.464.329.473
Cộng	169.017.489.952	190.680.991.406

2.2. Dài hạn

2.3. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan : không phát sinh

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Văn phòng	916.221.470	296.418.700
- Cty TNHH MTV Đóng tàu và CN Hàng Hải Sài Gòn	116.235.000	116.235.000
- Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Phú Thọ	496.809.600	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	303.176.870	180.183.700
Xí nghiệp	34.506.172.012	27.175.118.276
- Xí nghiệp công trình 1	7.063.487.650	1.017.183.417
- Xí nghiệp công trình 2	534.698.624	43.745.000
- Xí nghiệp công trình 3	374.410.200	2.657.586.200
- Xí nghiệp công trình 4	19.837.570.551	12.529.163.707
- Xí nghiệp công trình 5	1.405.889.880	1.180.220.463
- Xí nghiệp công trình 6	2.574.186.215	8.377.640.634
- Xí nghiệp công trình 7	387.317.860	-
- Xí nghiệp công trình 8	370.337.928	-
- Xí nghiệp công trình 9	1.759.533.864	1.357.394.390
- Xí nghiệp công trình 10	198.739.240	12.184.465
Cộng	35.422.393.482	27.471.536.976

3.2. Trả trước cho người bán là các bên liên quan : không phát sinh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu của người lao động	41.956.636	-	-	-
+ Thuế TNCN	41.956.636	-	-	-
- Tạm ứng	18.448.466.135	-	14.978.135.058	-
+ Văn phòng	197.677.297	-	148.506.837	-
+ Xí nghiệp trực thuộc	18.250.788.838	-	14.829.628.221	-
- Ký cược, ký quỹ	936.761.000	-	1.254.370.290	-
- Phải thu khác	31.110.885.228	-	13.078.877.634	-
+ Văn phòng	22.430.465.639	-	2.695.432.908	-
+ Công ty TNHH ĐT XD CT Cầu Phà	19.000.000	-	19.000.000	-
+ XD trạm ép rác kín phường Thạnh Mỹ Lợi Q2	595.548.719	-	595.548.719	-
+ Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh	765.159.541	-	1.664.346.971	-
+ Lãi dự thu	55.974.498	-	21.132.909	-
+ Phải thu từ chủ đầu tư chờ xử lý (*)	20.309.108.182	-	-	-
+ Phải thu khác	685.674.699	-	395.404.309	-
+ Xí nghiệp	8.680.419.589	-	10.383.444.726	-
+ Xí nghiệp công trình 1	1.589.319.674	-	1.169.782.215	-
+ Xí nghiệp công trình 2	103.394.603	-	322.545.275	-
+ Xí nghiệp công trình 3	2.334.420.692	-	2.191.369.942	-
+ Xí nghiệp công trình 4	60.827.129	-	99.937	-
+ Xí nghiệp công trình 5	880.907.358	-	363.470.910	-
+ Xí nghiệp công trình 6	252.636.402	-	2.784.159.171	-
+ Xí nghiệp công trình 7	759.622.518	-	590.544.234	-
+ Xí nghiệp công trình 8	582.289.729	-	90.473.067	-
+ Xí nghiệp công trình 9	2.011.776.298	-	1.601.871.406	-
+ Xí nghiệp công trình 10	105.225.186	-	1.269.128.569	-
Cộng	50.538.068.999	-	29.311.382.982	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

Ghi chú (*): Giá trị doanh thu bị cắt giảm sau quyết toán của cơ quan có thẩm quyền giai đoạn trước khi cổ phần hoá. Phương án xử lý khoản cắt giảm này đã được trình trước Đại hội đồng cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua tại phiên họp năm 2024.

5 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu				
- Cty CP ĐT & XD Số 17 Thăng Long	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214	1.499.218.214
- Cty CP Đầu tư Phát triển Sông Đà	719.946.000	719.946.000	719.946.000	719.946.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Du lịch Công Lý	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316	3.229.102.316
- Công ty Cổ phần Đức Phan	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000	2.060.000.000
- Cty DV bưu chính Viễn thông Sài Gòn	121.129.724	121.129.724	121.129.724	121.129.724
- Ủy ban nhân dân Quận 3	222.928.618	222.928.618	222.928.618	222.928.618
- Khác	313.007.472	313.007.472	313.007.472	313.007.472
Cộng	8.165.332.344	8.165.332.344	8.165.332.344	8.165.332.344

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	84.557.555.429	-	77.905.258.737	-
- Công cụ, dụng cụ	4.306.325.115	-	3.201.392.750	-
- Chi phí SXKDD	17.912.273.295	-	33.663.717.461	-
Cộng	106.776.153.839	-	114.770.368.948	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.001.163.688	5.257.997.608	73.745.834.869	756.340.272	-	91.761.336.437
- Mua trong năm	-	77.000.000	-	32.980.000	-	109.980.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	12.001.163.688	5.334.997.608	73.745.834.869	789.320.272	-	91.871.316.437
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.536.262.234	4.901.162.808	53.913.779.774	733.100.272	-	62.084.305.088
- Khấu hao trong năm	491.455.368	119.133.071	3.348.327.393	9.960.000	-	3.968.875.832
- Điều chỉnh tăng, giảm do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.027.717.602	5.020.295.879	57.262.107.167	743.060.272	-	66.053.180.920
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.464.901.454	356.834.800	19.832.055.095	23.240.000	-	29.677.031.349
Tại ngày cuối năm	8.973.446.086	314.701.729	16.483.727.702	46.260.000	-	25.818.135.517



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	528.100.000	-	528.100.000
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	528.100.000	-	528.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	279.600.006	-	279.600.006
- Khấu hao trong năm	-	-	-	71.000.004	-	71.000.004
- Tăng do phân loại	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	350.600.010	-	350.600.010
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	248.499.994	-	248.499.994
Tại ngày cuối năm	-	-	-	177.499.990	-	177.499.990



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
9.1 Ngắn hạn		
a. Văn phòng	205.657.223	418.676.718
- Công cụ dụng cụ	98.175.000	173.712.272
- Sửa chữa văn phòng	107.482.223	214.964.446
- Khác	-	30.000.000
b. Xí nghiệp	25.706.125.271	23.841.206.512
- Xí nghiệp công trình 1	428.153.997	440.471.412
- Xí nghiệp công trình 2	1.116.926.153	1.864.571.806
- Xí nghiệp công trình 4	16.763.042.676	11.446.139.437
- Xí nghiệp công trình 5	263.544.379	84.849.322
- Xí nghiệp công trình 7	2.104.009.894	2.938.997.965
- Xí nghiệp công trình 8	56.362.228	14.800.000
- Xí nghiệp công trình 9	2.186.153.222	5.858.769.792
- Xí nghiệp công trình 10	2.787.932.722	1.192.606.778
Cộng	25.911.782.494	24.259.883.230
9.2 Dài hạn		
a. Văn phòng	1.567.743.139	3.135.486.281
+ Sửa chữa văn phòng	-	-
+ Công cụ dụng cụ	-	-
+ Lợi thế kinh doanh (*)	1.567.743.139	3.135.486.281
+ Khác	-	-
b. Xí nghiệp	-	-
Cộng	1.567.743.139	3.135.486.281

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ thời điểm cổ phần hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
10.1. Phải trả người bán ngắn hạn				
a. Văn phòng Công ty	34.392.971.555	34.392.971.555	22.923.249.446	22.923.249.446
CTCP Công trình Giao Thông Sài Gòn	11.830.546.260	11.830.546.260	9.863.307.083	9.863.307.083
- Cty TNHH TM DV Thi công XD cầu đường Hồng	18.370.267.395	18.370.267.395	6.646.900.956	6.646.900.956
- Cty TNHH TMDV và Xây dựng Chín Khiêm	-	-	1.501.200.000	1.501.200.000
- Cty TNHH DV VT XD Giao thông T&T	1.528.080.410	1.528.080.410	3.223.459.528	3.223.459.528
- Khác	2.664.077.490	2.664.077.490	1.688.381.879	1.688.381.879
b. Xí nghiệp	136.599.055.997	136.599.055.997	90.796.675.566	90.796.675.566
Xí nghiệp công trình 1	5.702.957.515	5.702.957.515	5.241.694.644	5.241.694.644
Xí nghiệp công trình 2	14.094.390.831	14.094.390.831	10.993.005.832	10.993.005.832
Xí nghiệp công trình 3	24.464.994.152	24.464.994.152	16.258.427.087	16.258.427.087
Xí nghiệp công trình 4	29.544.386.473	29.544.386.473	6.888.512.916	6.888.512.916
Xí nghiệp công trình 5	14.987.549.242	14.987.549.242	16.045.500.686	16.045.500.686
Xí nghiệp công trình 6	3.063.179.733	3.063.179.733	336.085.927	336.085.927
Xí nghiệp công trình 7	9.519.404.254	9.519.404.254	9.501.680.617	9.501.680.617
Xí nghiệp công trình 8	7.439.994.614	7.439.994.614	1.394.913.805	1.394.913.805
Xí nghiệp công trình 9	8.191.619.264	8.191.619.264	15.542.669.799	15.542.669.799
Xí nghiệp công trình 10	19.590.579.919	19.590.579.919	8.594.184.253	8.594.184.253
Cộng	170.992.027.552	170.992.027.552	113.719.925.012	113.719.925.012

10.2. Phải trả người bán là các bên liên quan

: không phát sinh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc

Năm 2024

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Khoản mục	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng (các XN)	9.203.665.579	-	32.372.201.941	32.570.436.921	9.005.430.599	-
Thuế giá trị gia tăng (VP)	2.823.747.719	-	45.463.168.884	47.832.607.590	5.193.186.425	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	499.934.163	1.909.656.177	2.287.962.955	-	121.627.385
Thuế thu nhập cá nhân	-	84.087.948	634.929.786	676.585.011	-	42.432.723
Tiền thuế đất	254.904.000	-	856.052.600	601.148.600	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Chi phí phạt khác	-	-	231.925.910	231.925.910	-	-
Cộng	12.282.317.298	584.022.111	81.470.935.298	84.203.666.987	14.198.617.024	164.060.108

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

12 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
12.1. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	5.240.600	5.062.800
- BHXH, BHYT, BHTN	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	105.802.868.201	106.150.317.031
Văn phòng	3.179.663.688	3.441.953.611
+ Phòng kinh doanh	320.566.007	952.609.735
+ Phải trả Phòng quản lý chất lượng	8.508.924	8.508.924
+ Phòng chất lượng và thiết bị	1.092.513.851	664.979.470
+ XN công trình 7 - Nguyễn Xuân Khoa	1.258.155.120	1.336.089.647
+ Phải trả cổ tức cho cổ đông	378.000.250	327.659.750
+ Thuế TNCN	25.592.883	56.279.432
+ Khác	96.326.653	95.826.653
Xí nghiệp	102.623.204.513	102.708.363.420
+ Xí nghiệp công trình 1	16.239.969.037	20.549.906.222
+ Xí nghiệp công trình 2	5.179.831.968	11.757.216.392
+ Xí nghiệp công trình 3	637.869.595	633.120.095
+ Xí nghiệp công trình 4	33.339.667.212	31.046.880.485
+ Xí nghiệp công trình 5	954.901.247	914.901.247
+ Xí nghiệp công trình 6	-	3.179.511.825
+ Xí nghiệp công trình 7	25.189.255.249	22.970.625.825
+ Xí nghiệp công trình 8	10.652.466.707	8.273.574.980
+ Xí nghiệp công trình 9	4.180.885.409	2.548.507.773
+ Xí nghiệp công trình 10	6.248.358.089	834.118.576
Cộng	105.808.108.801	106.155.379.831

12.2. Dài hạn

12.3. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xi nghiệp trực thuộc
Năm 2024

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH
13.1. Ngắn hạn

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM	28.615.586.651	28.615.586.651	58.653.654.933	75.519.603.192	11.749.638.392	11.749.638.392
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn	2.415.177.500	2.415.177.500	-	2.415.177.500	-	-
Cộng	31.030.764.151	31.030.764.151	58.653.654.933	77.934.780.692	11.749.638.392	11.749.638.392

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số HĐ vay	Ngày HĐ vay	Mục đích	Hạn mức	Lãi suất (/năm)	Hình thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TPHCM					
- 01/2024/94435/HĐTD	16/09/2024	Bổ sung vốn lưu động, LC thanh toán	350.000.000.000	Theo từng lần giải ngân	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn					
- 189301.24.201.3484956.TD	25/03/2024	Bổ sung vốn lưu động, LC thanh toán	150.000.000.000	Theo từng lần giải ngân	Theo quy định của MB từng thời kỳ

13.2. Dài hạn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xi nghiệp trực thuộc
Năm 2024

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	91.000.000.000	-	3.113.561.375	6.159.201.952	100.272.763.327
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	8.778.700.292	8.778.700.292
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi	-	-	-	(2.064.201.952)	(2.064.201.952)
- Chia cổ tức năm 2022 - đợt 2	-	-	-	(4.095.000.000)	(4.095.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	-	91.000.000.000	3.113.561.375	8.778.700.292	102.892.261.667
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	7.102.913.376	7.102.913.376
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi (*)	-	-	-	(1.043.700.292)	(1.043.700.292)
- Chia cổ tức năm 2023 (*)	-	-	-	(7.735.000.000)	(7.735.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	91.000.000.000	3.113.561.375	7.102.913.376	101.216.474.751

Ghi chú:

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 35/NQ-CTCP-DHCD ngày 26/04/2023, tỷ lệ cổ tức là 8,5%.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị vốn
Cổ đông Nhà nước, cổ đông lớn (*)			
+ Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà nước - HFIC	40,00%	3.640.000	36.400.000.000
+ Lê Hữu Châu	8,71%	793.000	7.930.000.000
+ Tạ Thị Hồng Tâm	7,69%	700.000	7.000.000.000
+ Huỳnh Bá Lân	10,59%	963.900	9.639.000.000
+ Hoàng Mạnh Hào	11,07%	1.007.200	10.072.000.000
+ Cổ đông khác	21,93%	1.995.900	19.959.000.000
Cộng	100,00%	9.100.000	91.000.000.000

Ghi chú (*): Theo Danh sách cổ đông thực hiện việc chia cổ tức năm 2023 của CTCP Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	91.000.000.000	91.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	91.000.000.000	91.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	7.735.000.000	4.095.000.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.100.000	9.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.100.000	9.100.000

d. Cổ tức

	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	8,5%

15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

15.1. Tài sản nhận giữ hộ	không phát sinh
15.2. Ngoại tệ các loại	không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

1.1. Doanh thu

- Doanh thu hoạt động xây lắp
- Doanh thu khác

Cộng

1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn hoạt động xây lắp
- Giá vốn khác

Cộng

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay, trong đó:
 - + Văn phòng
 - + Các xí nghiệp
- Chi phí tài chính khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
1.1. Doanh thu		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	583.622.996.383	459.709.011.181
- Doanh thu khác	809.945.426	1.759.181.882
Cộng	584.432.941.809	461.468.193.063
1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan	: không phát sinh	
2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
- Giá vốn hoạt động xây lắp	550.157.776.188	424.552.939.572
- Giá vốn khác	775.783.699	1.640.487.719
Cộng	550.933.559.887	426.193.427.291
3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	739.474.192	1.009.833.057
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	263.171.070
Cộng	739.474.192	1.273.004.127
4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền vay, trong đó:		
+ Văn phòng	926.912.052	956.929.553
+ Các xí nghiệp	157.524.958	378.759.718
+ Các xí nghiệp	769.387.094	578.169.835
- Chi phí tài chính khác	-	72.727.273
Cộng	926.912.052	1.029.656.826

11729-C
NG TY
NNH
VỤ TƯ VẤN
NH KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
T.P HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác	141.725.461	79.267.156
Cộng	141.725.461	79.267.156

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khác	103.298.510	76.096.470
Cộng	103.298.510	76.096.470

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
7.1. Chi phí bán hàng		
7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí đồ dùng văn phòng	284.512.272	1.085.668.241
- Chi phí nhân viên quản lý	13.304.659.276	12.853.568.149
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.461.017.019	4.629.977.702
- Thuế, phí, lệ phí	859.052.600	604.148.600
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.155.821.133	4.128.491.912
- Chi phí khác bằng tiền	1.360.702.115	1.191.114.866
Cộng	24.425.764.415	24.492.969.470

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.821.693.222	2.249.613.997
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ trước ảnh hưởng đến chi phí thuế thu nhập chịu thuế năm nay	-	-
Cộng	1.821.693.222	2.249.613.997

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

8 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.924.606.598	11.028.314.289
+ Các khoản điều chỉnh tăng	183.859.512	219.755.698
. Chi phí tiền lương, thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	135.000.000	195.000.000
. Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	-
. Chi phí bị loại trừ	48.859.512	24.755.698
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận sau thuế công ty con	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	9.108.466.110	11.248.069.987
+ Thuế suất thông thường	20%	20%
+ Thuế TNDN hiện hành tính trên TN chịu thuế năm nay	1.821.693.222	2.249.613.997
+ Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành.	-	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.821.693.222	2.249.613.997

9 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”.

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
Không phát sinh.

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:
Không phát sinh.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo khế	58.653.654.933	55.361.913.148

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	77.934.780.692	60.791.697.058

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị tính: VND

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
Không phát sinh.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
Không phát sinh.

3 . Thông tin về các bên liên quan có phát sinh giao dịch chủ yếu trong năm

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC) Cổ đông lớn (40%)

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)		
+ Trả cổ tức	-	1.456.000.000
+ Thanh toán cổ tức	3.094.000.000	1.638.000.000
+ Tạm ứng cổ tức	-	-

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ giữa Công ty với các Bên có liên quan.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP. HCM (HFIC)		
+ Phải trả cổ tức	-	1.456.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Văn phòng Công ty & các Xí nghiệp trực thuộc
Năm 2024

4. Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác như sau:

Chức danh	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị			
+ Ông. Trần Minh Trung	Chủ tịch	391.500.000	377.000.000
+ Ông. Lê Hữu Châu	Thành viên	67.500.000	65.000.000
+ Bà. Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên	67.500.000	65.000.000
+ Ông. Nguyễn Quang Huy	Thành viên	67.500.000	65.000.000
+ Bà. Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên	-	21.666.667
+ Ông. Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	67.500.000	43.333.333
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.			
+ Ông. Lê Hữu Châu	Tổng Giám đốc	337.500.000	327.000.000
+ Ông. Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	279.450.000	272.400.000
+ Ông. Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	209.587.500	272.400.000
+ Ông. Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	268.159.091	272.400.000
+ Ông. Nguyễn Xuân Khoa	Phó Tổng Giám đốc	105.734.659	
+ Bà. Lê Nga Phương	Kế toán trưởng	270.000.000	262.000.000
Ban Kiểm soát			
+ Ông. Lê Mạnh Thu	Trưởng ban	337.500.000	325.000.000
+ Ông. Trần Thái Phương	Thành viên	40.500.000	39.000.000
+ Ông. Trịnh Lê Quang Vinh	Thành viên	40.500.000	39.000.000
Người phụ trách quản trị			
+ Ông. Dương Đức Chí		67.500.000	65.000.000
Cộng		2.617.931.250	2.511.200.000

5. Số lượng Cán bộ công nhân viên tại công ty

: 327 người

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày trên là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

TP. HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu